

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/DS-ST

Ngày: 19 - 10 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Trần Văn Giữ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp: “hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Địa chỉ trụ sở: N, phường Y, quận X, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà D, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông L, Chức vụ: Phó PGD Bình Minh - Chi nhánh Vĩnh Long. Địa chỉ: khóm E, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 513/2020/UQ-CNVL ngày 13/5/2020) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông X, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T có ông L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 17/9/2014 Ngân hàng TMCP T (Ngân hàng) có ký với ông X hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông X, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 6.000.000 đồng, số thẻ là 472074 - 9103, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ tín dụng là 5 năm, lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là: 2,15%/tháng. Khi phát sinh nợ quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng và tiến hành các biện pháp khởi kiện để xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay theo quy định.

Quá trình giao dịch được thể hiện chi tiết trên bảng sao kê, ông X đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 6.231.762 đồng và thực hiện thanh toán với tổng số tiền là: 4.890.000 đồng, thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông X không có thiện chí trả nợ. Do ông X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngày 05/7/2016 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Kể từ ngày quá hạn, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần tìm gặp ông X để tìm hướng giải quyết khoản vay nhưng ông X cố tình không hợp tác. Do vậy Ngân hàng đã làm việc trực tiếp với người thân ông X, yêu cầu khách hàng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên đến nay khách hàng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

Tính đến ngày 19/10/2020, ông X còn nợ số tiền như sau: dư nợ 5.147.973 đồng, lãi quá hạn 8.671.778 đồng, tổng cộng 13.819.751 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần T yêu cầu ông X có trách nhiệm trả số tiền là 13.820.000 đồng (đã làm tròn) (trong đó dư nợ: 5.147.973 đồng, lãi quá hạn 8.671.778 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 20/10/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo quy định tại hợp đồng đã ký.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông X nhưng ông X không tham gia tố tụng và cũng không cung cấp ý kiến cho Tòa án về việc Ngân hàng TMCP T khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng thương mại cổ phần T khởi kiện yêu cầu ông X trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng ngày 17/9/2014, bị đơn có nơi cư trú ở huyện Bình Tân, mục đích vay tiền để tiêu dùng cá nhân, các bên không có thỏa thuận khác về cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ

lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn ông X tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét vào ngày 17/9/2014 Ngân hàng TMCP T (Ngân hàng) có ký với ông X hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng do phía nguyên đơn giao nộp. Căn cứ thu nhập của ông X, Ngân hàng cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 6.000.000 đồng, số thẻ là 472074 - 9103, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ tín dụng là 5 năm, lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là: 2,15%/tháng, khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng. Đây là giao kết hợp đồng giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận không trái pháp luật. Xét bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và chứng cứ do Ngân hàng TMCP T gửi nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa có ý kiến phản đối nên đây được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Do ông X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 05/7/2016 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện là ngày 11/5/2020 (tức là sau ngày 01/01/2017 mới khởi kiện), căn cứ Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 3 của Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 15/11/2015 về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/02/2012 thì đã hết thời hiệu khởi kiện để yêu cầu trả lãi. Tuy nhiên, căn cứ Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 149, Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông Trường không phản đối chứng cứ do Ngân hàng cung cấp. Ngân hàng và ông X không có yêu cầu áp dụng về thời hiệu trước khi Tòa án sơ thẩm ra bản án nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc ông X có trách nhiệm trả số nợ

tính đến ngày 19/10/2020 là 13.820.000 đồng (đã làm tròn) (trong đó dư nợ: 5.147.973 đồng, lãi quá hạn 8.671.778 đồng).

[3.3] Mặt khác, ông X còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 17/9/2014 giữa ông X với Ngân hàng TMCP T kể từ ngày 20/10/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông X phải chịu 691.000 đồng. Ngân hàng TMCP T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T do ông L đại diện.

2. Buộc ông X có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP T theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP T) ngày 17/9/2014, tính đến ngày 19/10/2020 là số tiền 13.820.000 đồng (đã làm tròn) (trong đó dư nợ: 5.147.973 đồng, lãi quá hạn 8.671.778 đồng).

3. Ông T còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP T theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 17/9/2014 kể từ ngày 20/10/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc ông X phải nộp 691.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi một nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

4.2. Hoàn trả Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 320.000 đồng (*Ba trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011510 ngày 25/6/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

